

Số: 933 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn được lập ngày 23 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

10  
GT  
MH  
TM  
1-TR

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 34 – Thông tin khác, Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn đã hoàn thành Báo cáo quyết toán cổ phần hóa và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Vì vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty tại ngày 22/05/2016. Ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Bùi Văn Thảo**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-13-002-1

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017*

**Trần Trung Hiếu**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	23/05/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>46.059.890.355</b>	<b>59.152.081.913</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.486.053.160</b>	<b>12.945.267.066</b>
111	1. Tiền		1.486.053.160	12.945.267.066
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>11.132.500.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	11.132.500.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>23.318.437.430</b>	<b>29.595.647.810</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.734.545.596	11.096.433.149
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	91.789.000	466.964.964
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.492.102.834	18.032.249.697
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>5.562.428.659</b>	<b>9.987.274.340</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.562.428.659	9.987.274.340
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.560.471.106</b>	<b>6.623.892.697</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	180.281.383	506.234.678
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.330.085.089	4.497.933.682
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.050.104.634	1.619.724.337
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>115.342.285.600</b>	<b>117.272.432.860</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	180.000.000	180.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>75.884.096.501</b>	<b>80.597.753.332</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	67.081.686.138	71.569.513.636
222	- Nguyên giá		132.177.412.162	133.127.132.914
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.095.726.024)	(61.557.619.278)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.802.410.363	9.028.239.696
228	- Nguyên giá		9.456.560.154	9.456.560.154
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(654.149.791)	(428.320.458)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	9	<b>37.110.355.780</b>	<b>34.310.598.976</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		26.655.576.215	24.835.209.556
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.454.779.565	9.475.389.420
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.167.833.319</b>	<b>2.184.080.552</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.727.833.319	1.744.080.552
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	440.000.000	440.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>161.402.175.955</b>	<b>176.424.514.773</b>

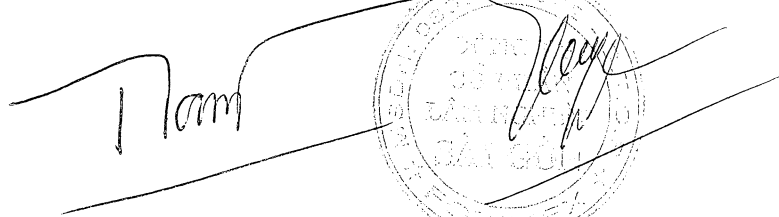
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

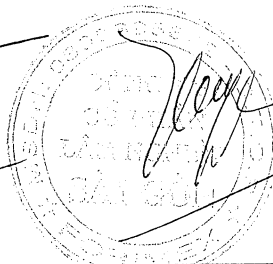
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	23/05/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>41.963.294.916</b>	<b>59.424.514.773</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>39.194.210.816</b>	<b>57.582.938.673</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.196.606.368	9.010.671.950
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		519.900	576.534.852
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.626.190.963	9.343.272.640
314	4. Phải trả người lao động		905.958.448	1.136.195.125
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.263.147.149	2.232.252.981
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.472.099.989	5.248.659.764
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	21.729.687.999	30.035.351.361
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.769.084.100</b>	<b>1.841.576.100</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.769.084.100	1.841.576.100
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>119.438.881.039</b>	<b>117.000.000.000</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>119.438.881.039</b>	<b>117.000.000.000</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		117.000.000.000	117.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		117.000.000.000	117.000.000.000
412	1. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.438.881.039	-
421b	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>		2.438.881.039	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>161.402.175.955</b>	<b>176.424.514.773</b>



Tiêu Thị Bích Trâm  
Người lập



Lưu Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng



Trần Minh Thuyết  
Giám đốc

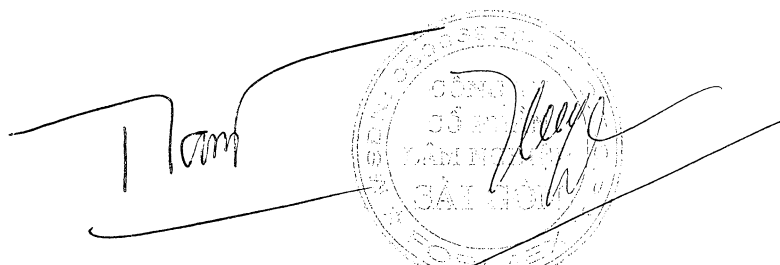
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Kỳ kế toán từ ngày 23/05/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 23/05/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2016	đến 22/05/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	55.953.947.804	62.429.424.391
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.953.947.804	62.429.424.391
11	4. Giá vốn hàng bán	21	45.968.857.804	57.906.326.290
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.985.090.000	4.523.098.101
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	359.608.297	398.883.778
22	7. Chi phí tài chính	23	986.724.385	937.762.919
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		708.565.809	705.357.351
25	8. Chi phí bán hàng	24	1.154.946.473	2.468.704.546
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.688.153.147	7.036.832.915
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.514.874.292	(5.521.318.501)
31	11. Thu nhập khác	26	1.006.298.795	7.650.576.199
32	12. Chi phí khác	27	347.181.778	9.514.618.165
40	13. Lợi nhuận khác		659.117.017	(1.864.041.966)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.173.991.309	(7.385.360.467)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	735.110.270	(628.243.857)
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	-	(440.000.000)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>2.438.881.039</b>	<b>(6.317.116.610)</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	208	



Tiêu Thị Bích Trâm  
Người lập



Lưu Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng



Trần Minh Thuyết  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Kỳ kế toán từ ngày 23/05/2016 đến ngày 31/12/2016  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 23/05/2016	Từ 01/01/2016
			đến 31/12/2016	đến 22/05/2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		45.027.146.878	55.786.942.207
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(33.163.879.201)	(46.932.772.371)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.819.557.425)	(23.922.675.868)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(536.396.631)	(532.574.771)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(117.970.186)	(890.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		34.817.642.151	90.068.083.579
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.319.492.129)	(124.218.277.311)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<b>7.887.493.457</b>	<b>(50.641.274.535)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(121.039.337)	(477.792.026)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		377.545.454	27.927.900
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.132.500.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		94.948.005	286.142.384
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<b>(10.781.045.878)</b>	<b>(163.721.742)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	(234.945.815)
33	2. Tiền thu từ đi vay		31.948.789.918	28.586.071.361
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(40.514.453.280)	(27.091.036.763)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>(8.565.663.362)</b>	<b>1.260.088.783</b>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<b>(11.459.215.783)</b>	<b>(49.544.907.494)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		12.945.267.066	62.438.375.180
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.877	51.799.380
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<b>1.486.053.160</b>	<b>12.945.267.066</b>

Tiêu Thị Bích Trâm  
Người lập

Lưu Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Trần Minh Thuyết  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017